

Số: 90/QĐ-CĐCNH

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên tốt nghiệp Khóa 22TCA, đợt tháng 02/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-CĐCNH ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2023-2024;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 29 tháng 02 năm 2024 cho các Khóa 21CD, 22CL, 22TCA;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo-CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 06 sinh viên đào tạo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 22TCA (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo-CTSV, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT(TNMP).



Phạm Văn Quân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
KHÓA 22TCA - BẠC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 02/2024
(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 12 tháng 3 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2250761	Đình Hải	Long	Nam	03/08/2000	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-D	52	2.81	7.54	Khá	0001/24/TC/CĐCNH	500841	
2	2250013	Hoàng Việt	Thắng	Nam	01/12/1962	Hà Tĩnh	Điện công nghiệp	22TCDC11-D	52	2.63	7.27	Khá	0002/24/TC/CĐCNH	500842	
3	2250020	Lê Thanh	Phương	Nam	07/09/2003	Quảng Bình	Điện công nghiệp	22TCDC12	53	3.3	8.05	Giỏi	0003/24/TC/CĐCNH	500843	
4	2250806	Trương Văn	Vũ	Nam	04/02/1997	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC12	53	2.92	7.45	Khá	0004/24/TC/CĐCNH	500844	
5	2250016	Lê Xuân	Hùng	Nam	02/02/2001	Quảng Trị	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL21	59	3.59	8.52	Xuất sắc	0005/24/TC/CĐCNH	500845	
6	2250019	Phạm Văn	Minh	Nam	18/12/2003	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11	56	2.11	6.5	Trung bình	0006/24/TC/CĐCNH	500846	

Danh sách trên gồm 06 sinh viên tốt nghiệp./.

TP. ĐÀO TẠO - CTSV

Hà Xuân Vinh



Phạm Văn Quân

Số: 170/QĐ-CĐCNH

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 21TCB, đợt tháng 4/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-CĐCNH ngày 11 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-CĐCNH ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2023-2024;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 05 tháng 4 năm 2024 cho các Khóa cũ: Từ khóa 20CD trở về trước, 22CL(1 năm) trở về trước, 21TCA và 21TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo-CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 03 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 21TCB đợt xét tháng 4/2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo-CTSV, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP

KHÓA 21TCB - BẠC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 04/2024

(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-ĐCNC của Hiệu trưởng ngày 08 tháng 4 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2150608	Trần Thị	Ánh	Nữ	13/10/2001	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	21TCCH11-B	63	3	7.64	Khá	0018/24/TC/ĐCNC	500858	
2	2150591	Đỗ Văn	Chung	Nam	20/11/2003	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21TCNL11-B	59	3.15	7.81	Khá	0019/24/TC/ĐCNC	500859	
3	2150049	Trần Công Quang	Thông	Nam	16/12/2006	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	21TCTH11-B	59	2.58	6.91	Khá	0020/24/TC/ĐCNC	500860	

Danh sách trên gồm 03 học sinh tốt nghiệp./

TP. ĐÀO TẠO - CTSV

Hà Xuân Vinh



Số: 239/QĐ-CDCNH

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 21TCB (2.5 năm)
đợt tháng 4/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-CDCNH ngày 11 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-CDCNH ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2023-2024;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 07 tháng 5 năm 2024 cho Khóa 21TCB (2.5 năm);

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo-CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 60 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 21TCB đợt xét tháng 4/2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo-CTSV, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT(TNMP).



Phạm Văn Quân

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
KHÓA 21TCB (2.5 NĂM) - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 04/2024
(Kèm theo Quyết định số 239/QĐ-ĐCNC của Hiệu trưởng ngày 09 tháng 5 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
1	2150554	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	18/04/2005	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	21TCCH11-B	63	2.84	7.3	Khá	0021/24/TC/CDCNH	500861	
2	2150007	Nguyễn Thiện Thành	Đạt	Nam	22/04/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21TCCK11-B	57	3.42	8.44	Giỏi	0022/24/TC/CDCNH	500862	
3	2150079	Cao Phan An	Phong	Nam	03/09/2005	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21TCCK11-B	57	2.86	7.47	Khá	0023/24/TC/CDCNH	500863	
4	2150590	Lê Đăng	Quân	Nam	20/12/2005	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21TCCK11-B	57	3.16	8.03	Khá	0024/24/TC/CDCNH	500864	
5	2150586	Ngô Văn	Tây	Nam	14/08/2005	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21TCCK11-B	57	3.35	8.22	Khá	0025/24/TC/CDCNH	500865	Hạ 1 bậc XL do Thi lại
6	2150412	Phạm Tiến	Anh	Nam	24/07/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	3.31	7.96	Giỏi	0026/24/TC/CDCNH	500866	
7	2150416	Huỳnh Anh	Dũng	Nam	02/01/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.76	7.51	Khá	0027/24/TC/CDCNH	500867	
8	2150457	Lê Minh	Hải	Nam	16/04/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.65	7.46	Khá	0028/24/TC/CDCNH	500868	
9	2150421	Nguyễn Viết Bảo	Hiếu	Nam	03/09/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.76	7.55	Khá	0029/24/TC/CDCNH	500869	
10	2150425	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	04/01/2001	Gia Lai	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	3.24	8.14	Giỏi	0030/24/TC/CDCNH	500870	
11	2150427	Hoàng Xuân	Huy	Nam	19/12/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.67	7.18	Khá	0031/24/TC/CDCNH	500871	
12	2150430	Nguyễn Vĩnh Tuấn	Kiệt	Nam	13/06/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.91	7.59	Khá	0032/24/TC/CDCNH	500872	
13	2150431	Ngô Hữu	Lợi	Nam	09/12/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	3.15	7.97	Khá	0033/24/TC/CDCNH	500873	
14	2150432	Trương Bảo	Long	Nam	14/06/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.75	7.41	Khá	0034/24/TC/CDCNH	500874	
15	2150434	Đoàn Đại	Mỹ	Nam	01/01/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.96	7.71	Khá	0035/24/TC/CDCNH	500875	



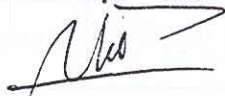
STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
16	2150436	Phan Hữu Nhật	Nam	Nam	04/09/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.78	7.5	Khá	0036/24/TC/CDCNH	500876	
17	2150437	Mai Văn	Nghiệm	Nam	01/03/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	3.27	8.1	Giỏi	0037/24/TC/CDCNH	500877	
18	2150438	Nguyễn Đắc	Ngọc	Nam	06/08/2005	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	3.45	8.5	Giỏi	0038/24/TC/CDCNH	500878	
19	2150440	Hoàng Trọng Minh	Nhật	Nam	04/01/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	3.04	7.83	Khá	0039/24/TC/CDCNH	500879	
20	2150441	Nguyễn Văn Quốc	Nhật	Nam	17/02/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.55	7.02	Khá	0040/24/TC/CDCNH	500880	
21	2150442	Phùng Hữu	Pháp	Nam	06/05/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.93	7.45	Khá	0041/24/TC/CDCNH	500881	
22	2150445	Nguyễn Phước	Quang	Nam	14/01/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	3.47	8.35	Giỏi	0042/24/TC/CDCNH	500882	
23	2150450	Lê Viết	Thịnh	Nam	07/05/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.89	7.41	Khá	0043/24/TC/CDCNH	500883	
24	2150451	Nguyễn Trung	Tín	Nam	14/04/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.98	7.59	Khá	0044/24/TC/CDCNH	500884	
25	2150454	Nguyễn Đình Anh	Vũ	Nam	10/08/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	3.36	8.05	Giỏi	0045/24/TC/CDCNH	500885	
26	2150460	Đỗ Trọng	Tín	Nam	07/04/2006	Thành phố Hà Nội	Điện công nghiệp	21TCDC12-B	55	2	6.17	Trung bình	0046/24/TC/CDCNH	500886	
27	2150236	Nguyễn Văn	Vinh	Nam	21/05/2005	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC12-B	55	3.11	7.77	Khá	0047/24/TC/CDCNH	500887	
28	2150463	Võ Công Quốc	Bảo	Nam	05/09/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.21	8.3	Giỏi	0048/24/TC/CDCNH	500888	
29	2150578	Trần Viết Thành	Đạt	Nam	26/12/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.66	7.23	Khá	0049/24/TC/CDCNH	500889	
30	2150465	Bùi Quảng	Hà	Nam	26/08/2006	Quảng Bình	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.83	7.31	Khá	0050/24/TC/CDCNH	500890	
31	2150466	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	11/09/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.7	7.28	Khá	0051/24/TC/CDCNH	500891	
32	2150467	Trần Đình Anh	Hiếu	Nam	19/07/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.15	8.17	Khá	0052/24/TC/CDCNH	500892	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
33	2150468	Nguyễn Quang	Huy	Nam	16/12/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.58	7.06	Khá	0053/24/TC/CDCNH	500893	
34	2150469	Trần Văn Minh	Huy	Nam	29/01/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.7	7.21	Khá	0054/24/TC/CDCNH	500894	
35	2150470	Văn Đình Khánh	Huy	Nam	27/07/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.64	8.76	Xuất sắc	0055/24/TC/CDCNH	500895	
36	2150575	Nguyễn	Khánh	Nam	03/04/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.75	7.4	Khá	0056/24/TC/CDCNH	500896	
37	2150472	Hồ Ngọc	Linh	Nam	12/12/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.58	7.16	Khá	0057/24/TC/CDCNH	500897	
38	2150473	Bạch Ngô Thanh	Mẫn	Nam	25/06/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.45	7.08	Trung bình	0058/24/TC/CDCNH	500898	
39	2150475	Lê Thành	Nhân	Nam	30/10/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.02	7.67	Khá	0059/24/TC/CDCNH	500899	
40	2150476	Phạm Thành	Nhân	Nam	25/04/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.64	7.38	Khá	0060/24/TC/CDCNH	500900	
41	2150477	Võ Thành	Nhơn	Nam	17/04/2002	Quảng Trị	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.72	8.75	Xuất sắc	0061/24/TC/CDCNH	500901	
42	2150479	Nguyễn Quốc	Phúc	Nam	07/04/2005	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.17	8.01	Khá	0062/24/TC/CDCNH	500902	
43	2150480	Phan	Phúc	Nam	30/11/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.81	7.33	Khá	0063/24/TC/CDCNH	500903	
44	2150482	Nguyễn Thành	Quân	Nam	18/12/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.11	7.86	Khá	0064/24/TC/CDCNH	500904	
45	2150483	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	03/05/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.49	8.51	Giỏi	0065/24/TC/CDCNH	500905	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu	Ghi chú
46	2150486	Nguyễn Quốc	Trung	Nam	10/07/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	3.23	7.99	Giỏi	0066/24/TC/CDCNH	500906	
47	2150237	Nguyễn Tấn Nguyên	Vũ	Nam	05/10/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	21TCDC21-B	53	2.6	7.28	Khá	0067/24/TC/CDCNH	500907	
48	2150189	Trần Thị Hoàng	Ân	Nữ	26/01/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	3.17	7.93	Khá	0068/24/TC/CDCNH	500908	
49	2150190	Hồ Thị Quỳnh	Anh	Nữ	21/10/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	2.58	7.15	Khá	0069/24/TC/CDCNH	500909	
50	2150193	Hoàng Thái Hồng	Hà	Nữ	09/01/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	3.17	7.78	Khá	0070/24/TC/CDCNH	500910	
51	2150198	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	06/08/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	2.83	7.5	Khá	0071/24/TC/CDCNH	500911	
52	2150200	Võ Thị Mỹ	Linh	Nữ	18/07/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	2.9	7.45	Khá	0072/24/TC/CDCNH	500912	
53	2150203	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	06/08/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	2.63	7.24	Khá	0073/24/TC/CDCNH	500913	
54	2150208	Nguyễn Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	27/02/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	3.46	8.28	Giỏi	0074/24/TC/CDCNH	500914	
55	2150209	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/12/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	3.44	8.38	Giỏi	0075/24/TC/CDCNH	500915	
56	2150210	Trần Thị Minh	Tâm	Nữ	26/08/2006	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	3.1	7.69	Khá	0076/24/TC/CDCNH	500916	
57	2150152	Nguyễn Hoàng Anh	Vân	Nữ	24/03/2006	Lào	Chăm sóc sắc đẹp	21TCKT22-B	48	3.19	7.94	Khá	0077/24/TC/CDCNH	500917	
58	2150322	Dương Trần Xuân	Quý	Nam	13/11/2005	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	21TCOT13-B	58	2.43	6.46	Trung bình	0078/24/TC/CDCNH	500918	
59	2150330	Dương Văn	Tiến	Nam	28/09/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	21TCOT13-B	58	2.93	7.47	Khá	0079/24/TC/CDCNH	500919	
60	2150563	Nguyễn Tuấn	Hung	Nam	19/08/2006	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	21TCTH12-B	58	2.88	7.65	Khá	0080/24/TC/CDCNH	500920	

Danh sách trên gồm 60 học sinh tốt nghiệp./.

TP. ĐÀO TẠO - CTSV



Hà Xuân Vinh



Phạm Văn Quân

Số: 621/QĐ-CĐCNH

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 22TCB, đợt cuối tháng 9/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-CĐCNH ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2024-2025;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 25 tháng 9 năm 2024 cho các Khóa 23CL, 22TCB;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo-CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 207 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 22TCB, đợt xét cuối tháng 9/2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo-CTSV, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, DT(TNMP).



Phạm Văn Quân

DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
KHÓA 22TCB - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT CUỐI THÁNG 09/2024
(Kèm theo Quyết định số 621/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 15 tháng 10 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
1	2250532	Trương Thụy	An	Nam	23/07/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.07	7.82	Giỏi	0081/24/TC/CĐCNH	500921
2	2250533	Lê Thiên	Anh	Nam	05/06/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.86	7.65	Khá	0082/24/TC/CĐCNH	500922
3	2250534	Trần Huỳnh Quỳnh	Anh	Nữ	07/10/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.03	7.86	Giỏi	0083/24/TC/CĐCNH	500923
4	2250771	Trần Hữu	Cảnh	Nam	30/08/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.88	7.56	Khá	0084/24/TC/CĐCNH	500924
5	2250537	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	20/08/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.53	8.32	Xuất sắc	0085/24/TC/CĐCNH	500925
6	2250539	Phạm Thị Thu	Diệu	Nữ	17/02/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.88	7.76	Khá	0086/24/TC/CĐCNH	500926
7	2250546	Trần Văn	Long	Nam	19/04/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.92	7.51	Khá	0087/24/TC/CĐCNH	500927
8	2250552	Hoàng Thị Thanh	Nhàn	Nữ	01/12/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.51	8.48	Xuất sắc	0088/24/TC/CĐCNH	500928
9	2250555	Đặng Thị Yến	Nhi	Nữ	30/01/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.61	7.3	Khá	0089/24/TC/CĐCNH	500929
10	2250556	Nguyễn Phạm Cát	Nhi	Nữ	11/12/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.15	7.91	Giỏi	0090/24/TC/CĐCNH	500930
11	2250559	Trần Thị Bé	Ny	Nữ	12/04/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.66	8.58	Xuất sắc	0091/24/TC/CĐCNH	500931
12	2250562	Phạm Bá Minh	Quang	Nam	19/08/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.75	7.38	Khá	0092/24/TC/CĐCNH	500932
13	2250566	Hà Thị Me	Ry	Nữ	30/10/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.61	8.52	Xuất sắc	0093/24/TC/CĐCNH	500933
14	2250567	Võ Thị Thanh	Sang	Nữ	16/10/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.25	8.28	Giỏi	0094/24/TC/CĐCNH	500934
15	2250570	Hoàng Bảo	Thi	Nữ	25/10/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.98	7.85	Khá	0095/24/TC/CĐCNH	500935
16	2250573	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	13/07/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.56	8.55	Xuất sắc	0096/24/TC/CĐCNH	500936
17	2250575	Đào Ngọc Phương	Trinh	Nữ	12/10/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	3.54	8.51	Xuất sắc	0097/24/TC/CĐCNH	500937
18	2250577	Lê Hoàng Nhất	Vinh	Nam	29/12/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.85	7.58	Khá	0098/24/TC/CĐCNH	500938

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
19	2250578	Kiều Thiện Như	Ý	Nữ	08/03/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11-B	59	2.47	6.93	Trung bình	0099/24/TC/CDCNH	500939
20	2250213	Thân Trọng Quốc	Anh	Nam	07/07/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22TCCK11-B	57	2.72	7.22	Khá	0100/24/TC/CDCNH	500940
21	2250219	Hoàng Đại	Dương	Nam	25/11/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22TCCK11-B	57	2.84	7.48	Khá	0101/24/TC/CDCNH	500941
22	2250240	Phan Hữu Minh	Nhật	Nam	18/08/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22TCCK11-B	57	3.19	7.85	Giỏi	0102/24/TC/CDCNH	500942
23	2250248	Ngô Đức	Thanh	Nam	16/11/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22TCCK11-B	57	3.3	8.3	Giỏi	0103/24/TC/CDCNH	500943
24	2250251	Nguyễn Hồng	Thiện	Nam	24/01/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22TCCK11-B	57	2.54	6.89	Khá	0104/24/TC/CDCNH	500944
25	2250677	Lê Nguyên	Anh	Nữ	12/06/2007	Thừa Thiên Huế	Máy thời trang	22TCCK21-B	61	3.54	8.72	Xuất sắc	0105/24/TC/CDCNH	500945
26	2250582	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	10/06/2007	Thừa Thiên Huế	Máy thời trang	22TCCK21-B	61	3.18	7.83	Giỏi	0106/24/TC/CDCNH	500946
27	2250234	Lê Bá	Lộc	Nam	25/04/2007	Thừa Thiên Huế	Máy thời trang	22TCCK21-B	61	2.92	7.66	Khá	0107/24/TC/CDCNH	500947
28	2250684	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	16/11/2007	Thành phố Hà Nội	Máy thời trang	22TCCK21-B	61	2.69	7.07	Khá	0108/24/TC/CDCNH	500948
29	2250686	Nguyễn Phạm Minh	Ngọc	Nữ	16/07/2007	Thừa Thiên Huế	Máy thời trang	22TCCK21-B	61	3.59	8.78	Xuất sắc	0109/24/TC/CDCNH	500949
30	2250694	Võ Thị Anh	Phương	Nữ	16/06/2007	Thừa Thiên Huế	Máy thời trang	22TCCK21-B	61	3.13	7.73	Giỏi	0110/24/TC/CDCNH	500950
31	2250697	Huỳnh Phan Uyên	Thanh	Nữ	08/11/2007	Thừa Thiên Huế	Máy thời trang	22TCCK21-B	61	3.31	8.06	Giỏi	0111/24/TC/CDCNH	500951
32	2250703	Tô Quỳnh	Trâm	Nữ	18/03/2007	Thừa Thiên Huế	Máy thời trang	22TCCK21-B	61	3.66	8.86	Xuất sắc	0112/24/TC/CDCNH	500952
33	2250025	Nguyễn Đăng Thái	Bào	Nam	11/08/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.25	7.99	Giỏi	0113/24/TC/CDCNH	500953
34	2250026	Nguyễn Văn Quốc	Bào	Nam	14/05/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	2.75	7.34	Khá	0114/24/TC/CDCNH	500954
35	2250035	Hà Xuân	Hậu	Nam	08/05/2003	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.47	8.32	Giỏi	0115/24/TC/CDCNH	500955
36	2250036	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	Nam	14/02/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.02	7.74	Giỏi	0116/24/TC/CDCNH	500956
37	2250037	Phan Nhật	Hiếu	Nam	20/03/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.25	8.13	Giỏi	0117/24/TC/CDCNH	500957
38	2250041	Nguyễn Đình	Hưng	Nam	23/11/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.05	7.66	Giỏi	0118/24/TC/CDCNH	500958
39	2250042	Đỗ Quốc	Huy	Nam	13/03/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	2.96	7.88	Khá	0119/24/TC/CDCNH	500959

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
40	2250044	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	10/10/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	2.85	7.63	Khá	0120/24/TC/CDCNH	500960
41	2250046	Nguyễn Minh	Nghĩa	Nam	09/09/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.44	8.67	Giỏi	0121/24/TC/CDCNH	500961
42	2250050	Lê Anh	Phi	Nam	03/06/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.53	8.68	Xuất sắc	0122/24/TC/CDCNH	500962
43	2250053	Nguyễn Minh	Quân	Nam	15/08/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	2.78	7.48	Khá	0123/24/TC/CDCNH	500963
44	2250055	Nguyễn Vinh	Quang	Nam	22/07/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.35	8.11	Giỏi	0124/24/TC/CDCNH	500964
45	2250056	Võ Văn	Quý	Nam	17/10/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.15	8	Giỏi	0125/24/TC/CDCNH	500965
46	2250061	Nguyễn Văn Thành	Tâm	Nam	03/01/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	2.67	7.06	Khá	0126/24/TC/CDCNH	500966
47	2250064	Đặng Văn	Thăng	Nam	26/02/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.07	7.83	Giỏi	0127/24/TC/CDCNH	500967
48	2250066	Đặng Tuấn	Thành	Nam	30/03/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	2.58	7.07	Khá	0128/24/TC/CDCNH	500968
49	2250067	Văn Phương	Tiền	Nam	25/04/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.13	7.93	Giỏi	0129/24/TC/CDCNH	500969
50	2250068	Nguyễn Đăng	Toán	Nam	09/03/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC11-B	55	3.13	7.84	Giỏi	0130/24/TC/CDCNH	500970
51	2250091	Nguyễn Xuân Bảo	Long	Nam	26/04/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC12-B	55	3.6	8.5	Xuất sắc	0131/24/TC/CDCNH	500971
52	2250094	Phan Văn	Minh	Nam	21/07/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC12-B	55	3.02	7.6	Giỏi	0132/24/TC/CDCNH	500972
53	2250097	Võ Thành	Nhân	Nam	02/12/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC12-B	55	2.85	7.41	Khá	0133/24/TC/CDCNH	500973
54	2250101	Dương	Phúc	Nam	19/09/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC12-B	55	3.55	8.39	Xuất sắc	0134/24/TC/CDCNH	500974
55	2250106	Nguyễn Việt Minh	Phương	Nam	21/03/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC12-B	55	2.89	7.46	Khá	0135/24/TC/CDCNH	500975
56	2250121	Nguyễn Cửu Quốc	Vũ	Nam	05/05/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC12-B	55	3.27	8.01	Giỏi	0136/24/TC/CDCNH	500976
57	2250111	Đặng Bá	Quốc	Nam	08/03/2003	Quảng Trị	Điện công nghiệp	22TCDC13-B	55	3.07	7.86	Giỏi	0137/24/TC/CDCNH	500977
58	2250386	Hồ Văn Đức	Thiện	Nam	11/07/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC13-B	55	3.05	7.8	Giỏi	0138/24/TC/CDCNH	500978
59	2250387	Nguyễn Bá	Thiệp	Nam	13/08/2006	Nghệ An	Điện công nghiệp	22TCDC13-B	55	3.13	7.92	Giỏi	0139/24/TC/CDCNH	500979
60	2250390	Nguyễn Đăng Minh	Trí	Nam	25/10/2007	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	22TCDC13-B	55	3.02	7.68	Giỏi	0140/24/TC/CDCNH	500980

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
61	2250075	Đình Công Quốc	Đạt	Nam	21/02/2007	Thanh Hóa	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	2.87	7.39	Khá	0141/24/TC/CDCNH	500981
62	2250079	Trịnh Quốc	Duy	Nam	23/09/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	2.95	7.63	Khá	0142/24/TC/CDCNH	500982
63	2250088	Nguyễn Bá	Khoa	Nam	12/08/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	2.96	7.67	Khá	0143/24/TC/CDCNH	500983
64	2251030	Nguyễn Bá	Kiệt	Nam	05/11/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	3.4	8.53	Giỏi	0144/24/TC/CDCNH	500984
65	2250098	Võ Tiến	Nhân	Nam	15/03/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	2.93	7.61	Khá	0145/24/TC/CDCNH	500985
66	2250104	Lê Đình	Phúc	Nam	15/11/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	2.93	7.64	Khá	0146/24/TC/CDCNH	500986
67	2250105	Nguyễn Văn	Phước	Nam	01/01/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	2.91	7.61	Khá	0147/24/TC/CDCNH	500987
68	2250120	Bạch Viết Huy	Tường	Nam	22/12/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	22TCDC21-B	55	2.6	7.27	Khá	0148/24/TC/CDCNH	500988
69	2250596	Hồ Nguyệt	Khang	Nữ	16/11/2007	Thừa Thiên Huế	Kế toán doanh nghiệp	22TCKT11-B	51	2.37	6.77	Trung bình	0149/24/TC/CDCNH	500989
70	2250604	Trần Huỳnh Bích	Như	Nữ	11/07/2007	Khánh Hoà	Kế toán doanh nghiệp	22TCKT11-B	51	2.57	7.09	Khá	0150/24/TC/CDCNH	500990
71	2250622	Dương Viết	Trường	Nam	21/11/2007	Thừa Thiên Huế	Kế toán doanh nghiệp	22TCKT11-B	51	3.51	8.24	Xuất sắc	0151/24/TC/CDCNH	500991
72	2250629	Lê Thị Tường	Vi	Nữ	07/07/2006	Thừa Thiên Huế	Kế toán doanh nghiệp	22TCKT11-B	51	2.49	6.82	Trung bình	0152/24/TC/CDCNH	500992
73	2250671	Nguyễn Lê Diệu	Bình	Nữ	23/01/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	3.1	7.98	Giỏi	0153/24/TC/CDCNH	500993
74	2250674	Nguyễn Lê Minh	Châu	Nữ	14/11/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	2.96	7.62	Khá	0154/24/TC/CDCNH	500994
75	2250638	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	15/08/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	2.63	7.11	Khá	0155/24/TC/CDCNH	500995
76	2250639	Đặng Trúc	Liên	Nữ	16/12/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	2.62	7.2	Khá	0156/24/TC/CDCNH	500996
77	2250640	Bùi Nữ Phương	Linh	Nữ	26/09/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	2.88	7.63	Khá	0157/24/TC/CDCNH	500997

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
78	2250641	Nguyễn Thị Triệu	Minh	Nữ	16/09/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	2.88	7.75	Khá	0158/24/TC/CDCNH	500998
79	2250646	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	22/08/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	3.54	8.48	Xuất sắc	0159/24/TC/CDCNH	500999
80	2250649	Phan Nữ Bảo	Ngọc	Nữ	17/01/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	3.15	7.99	Giỏi	0160/24/TC/CDCNH	501000
81	2250652	Hà Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	03/01/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	2.5	7.07	Khá	0161/24/TC/CDCNH	501001
82	2250653	Hồ Thị Yến	Nhi	Nữ	25/12/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	2.81	7.28	Khá	0162/24/TC/CDCNH	501002
83	2250656	Nguyễn Thị Phương	Nhi	Nữ	10/06/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21-B	52	2.67	7.26	Khá	0163/24/TC/CDCNH	501003
84	2250813	Huỳnh Thị Bảo	Châu	Nữ	04/05/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.33	8.09	Giỏi	0164/24/TC/CDCNH	501004
85	2250730	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	06/11/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.35	8.18	Giỏi	0165/24/TC/CDCNH	501005
86	2250734	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	04/09/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	2.56	7.13	Khá	0166/24/TC/CDCNH	501006
87	2250739	Lê Mai Bích	Trâm	Nữ	22/01/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.65	8.68	Xuất sắc	0167/24/TC/CDCNH	501007
88	2250741	Nguyễn Thị Thuý	Trâm	Nữ	18/05/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.38	8.3	Giỏi	0168/24/TC/CDCNH	501008
89	2250742	Đoàn Lê Bảo	Trân	Nữ	20/10/2007	Lâm Đồng	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.38	8.27	Giỏi	0169/24/TC/CDCNH	501009
90	2250743	Lê Thị Thuý	Trang	Nữ	09/09/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.17	8.03	Giỏi	0170/24/TC/CDCNH	501010
91	2250745	Hoàng Châu Bảo	Trinh	Nữ	24/08/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.62	8.72	Xuất sắc	0171/24/TC/CDCNH	501011
92	2250750	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	Nữ	12/02/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.73	8.66	Xuất sắc	0172/24/TC/CDCNH	501012
93	2250751	Đặng Nguyễn Tường	Vy	Nữ	26/04/2007	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.17	7.97	Giỏi	0173/24/TC/CDCNH	501013
94	2250756	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	Nữ	11/04/2007	Đắk Nông	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT22-B	52	3.35	8.17	Giỏi	0174/24/TC/CDCNH	501014
95	2250721	Nguyễn Hoàng Gia	Lộc	Nữ	07/06/2007	Thừa Thiên Huế	Tổ chức sự kiện	22TCKT31-B	55	3.51	8.59	Xuất sắc	0175/24/TC/CDCNH	501015
96	2250726	Đinh Trần Kiều	Oanh	Nữ	06/10/2007	Thừa Thiên Huế	Tổ chức sự kiện	22TCKT31-B	55	2.95	7.63	Khá	0176/24/TC/CDCNH	501016
97	2250752	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	06/09/2007	Thừa Thiên Huế	Tổ chức sự kiện	22TCKT31-B	55	3.27	8.09	Giỏi	0177/24/TC/CDCNH	501017

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
98	2250263	Trần Quang	Anh	Nam	06/11/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.8	7.37	Khá	0183/24/TC/CDCNH	501023
99	2250264	Nguyễn Thanh Gia	Bảo	Nam	21/12/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.98	7.66	Khá	0184/24/TC/CDCNH	501024
100	2250268	Trần Đức Lập	Đông	Nam	02/11/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.46	6.96	Trung bình	0185/24/TC/CDCNH	501025
101	2250272	Lê Thanh	Hiếu	Nam	20/07/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.58	7.19	Khá	0186/24/TC/CDCNH	501026
102	2250277	Hoàng Ngọc Quốc	Huy	Nam	13/03/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.73	7.27	Khá	0187/24/TC/CDCNH	501027
103	2250279	Nguyễn Văn Tuấn	Khang	Nam	09/09/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.22	6.37	Trung bình	0188/24/TC/CDCNH	501028
104	2250284	Nguyễn Xuân	Long	Nam	12/07/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.92	7.6	Khá	0189/24/TC/CDCNH	501029
105	2250796	Lê Văn Nhật	Minh	Nam	01/06/2006	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	3.31	8.15	Giỏi	0190/24/TC/CDCNH	501030
106	2250294	Nguyễn Ngọc	Phước	Nam	12/02/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.98	7.81	Khá	0191/24/TC/CDCNH	501031
107	2250299	Võ Văn	Quyết	Nam	09/08/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	3.07	7.66	Giỏi	0192/24/TC/CDCNH	501032
108	2250306	Lê Quang	Trung	Nam	05/05/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	2.81	7.45	Khá	0193/24/TC/CDCNH	501033
109	2250308	Võ Văn	Vũ	Nam	28/03/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL11-B	59	3.1	7.8	Giỏi	0194/24/TC/CDCNH	501034

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
110	2250314	Nguyễn Đôn Tiến	Đức	Nam	08/11/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL12-B	59	3.44	8.12	Giỏi	0195/24/TC/CDCNH	501035
111	2250315	Nguyễn Đức	Dũng	Nam	10/10/2005	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL12-B	59	2.86	7.43	Khá	0196/24/TC/CDCNH	501036
112	2250323	Trần Quốc	Huy	Nam	17/01/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL12-B	59	2.63	7.04	Khá	0197/24/TC/CDCNH	501037
113	2250330	Huỳnh Văn	Nguyên	Nam	02/06/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL12-B	59	2.95	7.53	Khá	0198/24/TC/CDCNH	501038
114	2250797	Nguyễn Phúc	Nhật	Nam	26/10/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL12-B	59	2.98	7.74	Khá	0199/24/TC/CDCNH	501039
115	2250297	Võ Văn	Quang	Nam	15/04/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL12-B	59	3.03	7.84	Giỏi	0200/24/TC/CDCNH	501040
116	2250343	Nguyễn Tú	Tài	Nam	10/01/2006	Quảng Bình	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL12-B	59	2.19	6.51	Trung bình	0201/24/TC/CDCNH	501041
117	2250359	Hoàng Trọng Tuấn	Đông	Nam	26/06/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.41	6.8	Trung bình	0202/24/TC/CDCNH	501042
118	2250361	Nguyễn Anh	Đức	Nam	28/05/2007	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.39	6.78	Trung bình	0203/24/TC/CDCNH	501043
119	2250366	Bùi Huy	Hoàng	Nam	11/12/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.69	7.2	Khá	0204/24/TC/CDCNH	501044
120	2250367	Đào Thanh	Hồng	Nam	10/04/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.98	7.71	Khá	0205/24/TC/CDCNH	501045
121	2250371	Nguyễn Phúc Bảo	Long	Nam	12/03/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.78	7.44	Khá	0206/24/TC/CDCNH	501046

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
122	2250827	Lê Hữu	Phước	Nam	09/06/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	3.08	7.86	Giỏi	0207/24/TC/CDCNH	501047
123	2250381	Phan Tiến	Tài	Nam	05/04/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.44	6.85	Trung bình	0208/24/TC/CDCNH	501048
124	2250382	Lê Viết Nhật	Tâm	Nam	14/04/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.78	7.4	Khá	0209/24/TC/CDCNH	501049
125	2250521	Nguyễn Thuận	Thành	Nam	12/10/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.46	6.65	Trung bình	0210/24/TC/CDCNH	501050
126	2250385	Võ Văn	Thi	Nam	23/11/2007	Thừa Thiên Huế	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22TCNL13-B	59	2.78	7.3	Khá	0211/24/TC/CDCNH	501051
127	2250580	Đào Văn	Anh	Nữ	09/12/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	3.2	7.88	Giỏi	0212/24/TC/CDCNH	501052
128	2250581	Nguyễn Như Tuấn	Anh	Nam	31/08/2007	Đắk Nông	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	2.42	6.56	Trung bình	0213/24/TC/CDCNH	501053
129	2250584	Lê Thị Thanh	Bình	Nữ	02/10/2007	Bắc Giang	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	3.62	8.73	Xuất sắc	0214/24/TC/CDCNH	501054
130	2250590	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	27/02/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	2.42	6.95	Trung bình	0215/24/TC/CDCNH	501055
131	2250595	Đặng Quốc	Hung	Nam	19/10/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	3.05	7.64	Giỏi	0216/24/TC/CDCNH	501056
132	2250601	Trần Thị	Nhâm	Nữ	20/01/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	2.62	6.92	Khá	0217/24/TC/CDCNH	501057

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
133	2250607	Huỳnh Trần Uyên	Phương	Nữ	06/08/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	2.47	6.91	Trung bình	0218/24/TC/CDCNH	501058
134	2250608	Hoàng Minh	Quân	Nam	09/03/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	2.87	7.24	Khá	0219/24/TC/CDCNH	501059
135	2250609	Lê	Quân	Nam	31/05/2006	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	3.07	7.84	Giỏi	0220/24/TC/CDCNH	501060
136	2250612	Hồ Nguyễn Nguyên	Thắng	Nam	12/08/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	2.22	6.49	Trung bình	0221/24/TC/CDCNH	501061
137	2250620	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	Nữ	28/08/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	3.51	8.44	Xuất sắc	0222/24/TC/CDCNH	501062
138	2250624	Trần Hoàng Anh	Tuấn	Nam	06/11/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	2.07	6.36	Trung bình	0223/24/TC/CDCNH	501063
139	2250625	Hồ Hoàng Thảo	Uyên	Nữ	25/07/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	2.65	7.09	Khá	0224/24/TC/CDCNH	501064
140	2250627	Trương Phương	Uyên	Nữ	18/07/2007	Thừa Thiên Huế	Phiên dịch Tiếng Nhật kinh tế, thương mại	22TCNT11-B	55	3.11	7.89	Giỏi	0225/24/TC/CDCNH	501065
141	2250124	Trần Tuấn	Anh	Nam	12/07/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.86	7.48	Khá	0226/24/TC/CDCNH	501066
142	2250134	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Hiệp	Nam	03/07/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	3	7.67	Giỏi	0227/24/TC/CDCNH	501067
143	2250138	Nguyễn Khánh	Hưng	Nam	16/03/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.6	7.24	Khá	0228/24/TC/CDCNH	501068
144	2250148	Trần Phúc	Nguyên	Nam	02/01/2006	Quảng Trị	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.36	6.63	Trung bình	0229/24/TC/CDCNH	501069
145	2250149	Ngô Thanh	Nhàn	Nam	07/06/2005	Quảng Trị	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	3.02	7.79	Giỏi	0230/24/TC/CDCNH	501070

NG
ẢNH
GH
IẾ

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
146	2250153	Phan Thái Việt	Nhật	Nam	27/09/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.36	6.72	Trung bình	0231/24/TC/CDCNH	501071
147	2250154	Võ Trần Nhật	Phú	Nam	18/09/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.84	7.35	Khá	0232/24/TC/CDCNH	501072
148	2250156	Phạm Văn Nhật	Quang	Nam	01/10/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.71	7.22	Khá	0233/24/TC/CDCNH	501073
149	2250157	Lê Anh	Quốc	Nam	29/10/2005	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	2.67	7.27	Khá	0234/24/TC/CDCNH	501074
150	2250164	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	05/11/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT11-B	58	3.26	8.14	Giỏi	0235/24/TC/CDCNH	501075
151	2250170	Võ Đoàn Thành	Đạt	Nam	12/03/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.5	6.99	Khá	0236/24/TC/CDCNH	501076
152	2250172	Nguyễn Cửu Ngọc	Đức	Nam	09/10/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.83	7.43	Khá	0237/24/TC/CDCNH	501077
153	2250174	Nguyễn Bùi Anh	Dũng	Nam	27/01/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	3.02	7.65	Giỏi	0238/24/TC/CDCNH	501078
154	2250178	Nguyễn Đắc Phi	Hùng	Nam	05/11/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.79	7.31	Khá	0239/24/TC/CDCNH	501079
155	2250179	Dương Đức	Huy	Nam	14/07/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	3.43	8.46	Giỏi	0240/24/TC/CDCNH	501080
156	2250184	Phan Văn Quốc	Huy	Nam	21/04/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.62	7.05	Khá	0241/24/TC/CDCNH	501081
157	2250188	Lê Ngọc Anh	Kiệt	Nam	30/11/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.64	7.33	Khá	0242/24/TC/CDCNH	501082
158	2250192	Nguyễn Xuân	Nam	Nam	17/12/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.45	7.04	Trung bình	0243/24/TC/CDCNH	501083
159	2250194	Trần Quang	Phát	Nam	05/03/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	3.14	7.8	Giỏi	0244/24/TC/CDCNH	501084
160	2250199	Trần Ngọc Minh	Sang	Nam	17/09/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.55	7.11	Khá	0245/24/TC/CDCNH	501085
161	2250203	Hồ Xuân	Thắng	Nam	16/02/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.57	7.07	Khá	0246/24/TC/CDCNH	501086
162	2250207	Trần Hữu Nhật	Trường	Nam	24/06/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.6	7.29	Khá	0247/24/TC/CDCNH	501087
163	2250208	Trần Trí	Việt	Nam	11/07/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	2.62	7.21	Khá	0248/24/TC/CDCNH	501088
164	2250210	Nguyễn Gia	Vỹ	Nam	17/07/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT12-B	58	3.05	7.92	Giỏi	0249/24/TC/CDCNH	501089
165	2250231	Nguyễn Đăng	Kiệt	Nam	26/07/2006	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ ô tô	22TCOT13-B	58	2.41	6.81	Trung bình	0250/24/TC/CDCNH	501090
166	2250236	Nguyễn Hồ Duy	Mạnh	Nam	02/04/2006	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT13-B	58	2.29	6.62	Trung bình	0251/24/TC/CDCNH	501091

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
167	2250244	Hoàng Đỗ Minh	Quyết	Nam	25/03/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT13-B	58	2.34	6.67	Trung bình	0252/24/TC/CDCNH	501092
168	2250246	Nguyễn Việt	Tấn	Nam	22/11/2007	Thừa Thiên Huế	Công nghệ ô tô	22TCOT13-B	58	2.6	7.23	Khá	0253/24/TC/CDCNH	501093
169	2250452	Trần Hoàng	Đức	Nam	02/12/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.45	8.44	Giỏi	0254/24/TC/CDCNH	501094
170	2250414	Lê Đình	Huỳnh	Nam	04/07/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.19	8.07	Giỏi	0255/24/TC/CDCNH	501095
171	2250461	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	Nam	10/12/2006	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.1	7.58	Giỏi	0256/24/TC/CDCNH	501096
172	2250466	Nguyễn Phùng Hạo	Nhiên	Nam	01/06/2006	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.07	7.76	Giỏi	0257/24/TC/CDCNH	501097
173	2250469	Tô Hữu	Phước	Nam	06/11/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.07	7.84	Giỏi	0258/24/TC/CDCNH	501098
174	2250471	Phan Cảnh Anh	Quân	Nam	22/04/2006	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	2.91	7.51	Khá	0259/24/TC/CDCNH	501099
175	2250472	Lê Sĩ	Quý	Nam	18/11/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.05	7.56	Giỏi	0260/24/TC/CDCNH	501100
176	2250473	Nguyễn Đức Minh	Sang	Nam	17/10/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.53	8.59	Xuất sắc	0261/24/TC/CDCNH	501101
177	2250474	Nguyễn Ngọc	Son	Nam	12/02/2006	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.34	8.48	Giỏi	0262/24/TC/CDCNH	501102
178	2250475	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	30/07/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	2.67	7.33	Khá	0263/24/TC/CDCNH	501103
179	2250476	Hoàng Trọng Quốc	Thái	Nam	17/08/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	2.78	7.49	Khá	0264/24/TC/CDCNH	501104
180	2250477	Trần Quang	Thái	Nam	18/08/2001	Quảng Trị	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.83	8.83	Xuất sắc	0265/24/TC/CDCNH	501105
181	2250478	Huỳnh	Thanh	Nam	09/07/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.02	7.68	Giỏi	0266/24/TC/CDCNH	501106
182	2250481	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	04/06/2002	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH11-B	58	3.29	8.39	Giỏi	0267/24/TC/CDCNH	501107
183	2250396	Ngô Hùng	Anh	Nam	19/09/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.52	6.93	Khá	0268/24/TC/CDCNH	501108
184	2250399	Lê Hoàng	Đạt	Nam	09/04/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.43	7.01	Trung bình	0269/24/TC/CDCNH	501109
185	2250400	Nguyễn Lê Quang	Đạt	Nam	13/10/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.6	7.15	Khá	0270/24/TC/CDCNH	501110
186	2250403	Trịnh Ngọc	Hiếu	Nam	10/10/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.16	6.43	Trung bình	0271/24/TC/CDCNH	501111
187	2250416	Huỳnh Trung	Kiên	Nam	29/06/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.07	6.42	Trung bình	0272/24/TC/CDCNH	501112

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
188	2250417	Nguyễn Đức	Lộc	Nam	07/08/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	3.28	8.15	Giỏi	0273/24/TC/CDCNH	501113
189	2250418	Đông Hữu Hoàng	Long	Nam	05/07/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.57	7.07	Khá	0274/24/TC/CDCNH	501114
190	2250423	Hoàng Lưu Thành	Nhân	Nam	06/02/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.78	7.4	Khá	0275/24/TC/CDCNH	501115
191	2250425	Đỗ Yến	Nhi	Nữ	05/10/2007	Quảng Bình	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	3.31	8.18	Giỏi	0276/24/TC/CDCNH	501116
192	2250427	Nguyễn Đình Hữu	Phúc	Nam	20/10/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	3.36	8.49	Giỏi	0277/24/TC/CDCNH	501117
193	2250440	Nguyễn Việt Quang	Vinh	Nam	28/08/2007	Thừa Thiên Huế	Tin học ứng dụng	22TCTH12-B	58	2.97	7.77	Khá	0278/24/TC/CDCNH	501118
194	2250487	Võ Thị Nam	Anh	Nữ	30/01/2007	Thừa Thiên Huế	Truyền thông và mạng máy tính	22TCTH21-B	60	3.28	8.23	Giỏi	0279/24/TC/CDCNH	501119
195	2250498	Trần Hoàng	Huy	Nam	31/01/2006	Nghệ An	Truyền thông và mạng máy tính	22TCTH21-B	60	3.18	8.07	Giỏi	0280/24/TC/CDCNH	501120
196	2250507	Lê Hữu Thành	Nghĩa	Nam	10/05/2007	Thừa Thiên Huế	Truyền thông và mạng máy tính	22TCTH21-B	60	2.88	7.69	Khá	0281/24/TC/CDCNH	501121
197	2250512	Nguyễn Phước Công	Phát	Nam	12/11/2007	Thừa Thiên Huế	Truyền thông và mạng máy tính	22TCTH21-B	60	3.47	8.64	Giỏi	0282/24/TC/CDCNH	501122
198	2250520	Võ Đại	Thanh	Nam	02/07/2006	TP. Hồ Chí Minh	Truyền thông và mạng máy tính	22TCTH21-B	60	2.95	7.66	Khá	0283/24/TC/CDCNH	501123
199	2250528	Nguyễn Văn Bảo	Toàn	Nam	17/12/2007	Thừa Thiên Huế	Truyền thông và mạng máy tính	22TCTH21-B	60	2.87	7.61	Khá	0284/24/TC/CDCNH	501124
200	2250483	Văn Trần Thiên	Ân	Nam	20/07/2007	Thừa Thiên Huế	Thương mại điện tử	22TCTM11-B	63	2.83	7.48	Khá	0285/24/TC/CDCNH	501125
201	2250489	Lê Thị Phước	Bình	Nữ	03/12/2004	Thừa Thiên Huế	Thương mại điện tử	22TCTM11-B	63	3.68	8.7	Xuất sắc	0286/24/TC/CDCNH	501126
202	2250786	Huỳnh Văn	Đạt	Nam	25/01/2005	Thừa Thiên Huế	Thương mại điện tử	22TCTM11-B	63	3.06	7.82	Giỏi	0287/24/TC/CDCNH	501127
203	2250791	Đoàn Thanh	Hào	Nam	15/09/2007	Bình Phước	Thương mại điện tử	22TCTM11-B	63	2.9	7.54	Khá	0288/24/TC/CDCNH	501128
204	2250492	Nguyễn Trần Hải	Hậu	Nam	05/11/2007	Thừa Thiên Huế	Thương mại điện tử	22TCTM11-B	63	3.08	7.82	Giỏi	0289/24/TC/CDCNH	501129

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
205	2250504	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	15/02/2007	Thừa Thiên Huế	Thương mại điện tử	22TCTM11-B	63	3.49	8.51	Giỏi	0290/24/TC/CDCNH	501130
206	2250510	Lại Phước Thiện	Nhân	Nam	11/11/2007	Thừa Thiên Huế	Thương mại điện tử	22TCTM11-B	63	2.65	7.25	Khá	0291/24/TC/CDCNH	501131
207	2250531	Lê Chiêu Quang	Vinh	Nam	31/10/2007	Thừa Thiên Huế	Thương mại điện tử	22TCTM11-B	63	3.62	8.57	Xuất sắc	0292/24/TC/CDCNH	501132

Danh sách trên gồm 207 học sinh tốt nghiệp./.

TP. ĐÀO TẠO - CTSV

Hà Xuân Vinh



Số: 629/QĐ-CĐCNH

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp Khóa 21TCB, đợt tháng 10/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-CĐCNH ngày 11 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy, tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-CĐCNH ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2024-2025;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 14 tháng 10 năm 2024 cho các Khóa cũ: Từ khóa 21CD trở về trước, 22CL trở về trước, 22TCA và 21TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo-CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 01 học sinh được đào tạo theo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 21TCB, đợt xét tháng 10/2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo-CTSV, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, DT(TNMP).



DANH SÁCH HỌC SINH TỐT NGHIỆP
KHÓA 21TCB - BẬC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 10/2024
(Kèm theo Quyết định số 629/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 15 tháng 10 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
1	2150418	Trần Gia	Hào	Nam	28/10/2006	Thừa Thiên Huế	Điện công nghiệp	21TCDC11-B	55	2.56	7.12	Khá	0294/24/TC/CĐCNH	501134

Danh sách trên gồm 01 học sinh tốt nghiệp./.

TP. ĐÀO TẠO - CTSV

Hà Xuân Vinh



Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên tốt nghiệp Khóa 22TCA, đợt xét tháng 10/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-CĐCNH ngày 12 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, áp dụng cho Trung cấp và Cao đẳng, hệ chính quy tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-CĐCNH ngày 28 tháng 8 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm học 2024-2025;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 14 tháng 10 năm 2024 cho các Khóa cũ: Từ khóa 21CD trở về trước, 22CL trở về trước, 22TCA và 21TCB trở về trước;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo-CTSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cho 07 sinh viên đào tạo bậc Trung cấp chính quy, Khóa 22TCA, đợt xét tháng 10/2024 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo-CTSV, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, DT(TNMP).


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP
HUẾ
Phạm Văn Quân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

KHÓA 22TCA - BẠC TRUNG CẤP CHÍNH QUY - ĐỢT XÉT THÁNG 10/2024

(Kèm theo Quyết định số 630/QĐ-CĐCNH của Hiệu trưởng ngày 15 tháng 10 năm 2024)

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Lớp học	Số TCTL	Điểm TBTL hệ 4	Điểm TBC hệ 10	Xếp loại	Số vào sổ	Số hiệu
1	2250015	Hoàng Ngọc	Duy	Nam	26/08/2003	Thừa Thiên Huế	Công nghệ thực phẩm	22TCCH11	40	2.48	6.97	Trung bình	0295/24/TC/CĐCNH	501135
2	2250758	Lâm Thị	Hà	Nữ	02/08/2004	Quảng Trị	May thời trang	22TCCK21	61	3.61	8.64	Xuất sắc	0296/24/TC/CĐCNH	501136
3	2250021	Hồ Nhật Anh	Thư	Nữ	22/06/2004	Thừa Thiên Huế	May thời trang	22TCCK21	61	3.87	9.23	Xuất sắc	0297/24/TC/CĐCNH	501137
4	2250757	Thái Nhật	Duy	Nam	12/06/2001	Quảng Bình	Điện công nghiệp	22TCDC12	53	2.66	7.19	Khá	0298/24/TC/CĐCNH	501138
5	2250769	Nguyễn Đức	Tin	Nam	18/09/1993	Thừa Thiên Huế	Kế toán doanh nghiệp	22TCKT11	53	3.57	8.38	Xuất sắc	0299/24/TC/CĐCNH	501139
6	2250779	Phan Nguyễn Minh	Tâm	Nữ	09/10/2004	Thừa Thiên Huế	Chăm sóc sắc đẹp	22TCKT21	52	2.81	7.32	Khá	0300/24/TC/CĐCNH	501140
7	2250776	Nguyễn Đình	Đạt	Nam	03/07/1997	Nghệ An	Công nghệ ô tô	22TCOT11	56	2.52	6.93	Khá	0301/24/TC/CĐCNH	501141

Danh sách trên gồm 07 sinh viên tốt nghiệp./.

TP. ĐÀO TẠO - CTSV

Hà Xuân Vinh



Phạm Văn Quân